

Bản án số: **94/2025/DS-ST**

Ngày: 13 – 9 - 2025

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, VĨNH LONG – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo

2. Ông Nguyễn Tường Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị N**, sinh ngày: 14/4/1988 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 083188017884, cấp ngày 10/8/2021.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V).

- *Bị đơn:* **Lương Minh K**, sinh ngày 06/3/2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2024, bản tự khai 13/11/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 15/9/2022 chị có cho anh Lương Minh K vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 05 tháng trả, hai bên có lập giấy mượn tiền và anh K có ký tên. Số tiền vay này, đến ngày 15/02/2023, anh đã trả cho chị được 7.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn gốc 13.000.000 đồng đến nay chưa trả, chị đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh K đều hẹn nhưng không trả tiền.

Nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Lương Minh K phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vốn vay 13.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định tính từ ngày 16/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2025.

* Bị đơn anh Lương Minh K các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/3/2025. Bị đơn anh Lương Minh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập họp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn anh K vẫn vắng mặt. Bị đơn anh Lương Minh K vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng vẫn không đến Tòa án. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị N chỉ khởi kiện yêu cầu một mình anh Lương Minh K trả nợ vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn anh Lương Minh K phải trả số tiền nợ vay 13.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy tay mượn tiền (Bút lục số 03) do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện rõ số tiền bị đơn anh Lương Minh K có vay tiền của chị Ngọc số tiền là 20.000.000 đồng, có chữ ký của bị đơn anh K. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày, anh K đã trả cho chị được số tiền vốn vay 7.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng đến nay chưa trả chị. Bị đơn anh Lương Minh K đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án vẫn không có ý kiến phản hồi đối với số tiền nợ vay nguyên đơn chị N khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa nguyên đơn chị N và bị đơn anh K có quan hệ giao dịch vay tiền, chị N không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền vay 13.000.000 đồng hiện nay anh K chưa trả cho chị N là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 13.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng tính từ ngày 16/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/9/2025 của nguyên đơn chị N. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chị N là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất anh K phải trả cho nguyên đơn chị N được tính như sau:

$13.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng} = 3.229.800 \text{ đồng}.$

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 16.229.800 đồng (Gồm tiền vốn gốc 13.000.000 đồng, tiền lãi suất 3.229.800 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn anh K phải chịu án phí số tiền là: 16.229.800 đồng x 5% = 811.500 đồng (Tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 92; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Lương Minh K.

2. Buộc anh Lương Minh K phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền nợ vay 16.229.800 đồng (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng) (Gồm tiền vốn gốc 13.000.000 đồng, tiền lãi suất 3.229.800 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lương Minh K phải chịu 811.500 đồng (Tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 373.550 đồng (Ba trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004061 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- (Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương